

Số: 218 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình
trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1770/TTr-SKHĐT ngày 27/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Tấn Phát.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Hoàng Nhân Huy.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh nhằm tạo nơi làm việc và sinh hoạt ổn định cho cán bộ nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân viên của Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện quy hoạch xây dựng khu trung tâm hành chính của tỉnh.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Gồm các hạng mục:

6.1. Phần xây dựng:

a) Nhà làm việc: Nhà một tầng trệt, 2 tầng lầu, tổng diện tích sàn 688m². Trong đó: Tầng trệt có diện tích 253m², lầu 1 có diện tích 217,5m², lầu 2 có diện tích 217,5m².

Kết cấu: Móng, cột, dầm giằng, sàn, sê nô bằng BTCT, tường xây gạch ống, cầu phong ly tô bằng thép hình. Hoàn thiện: Mái lợp ngói, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic, tường sơn nước, hệ thống cửa bằng nhôm kính, thép kính, vách nhôm kính.

b) Khối hội trường, công trình phụ trợ:

- Khối hội trường: Diện tích 882m², tầng trệt có diện tích 428m² bố trí căn tin, nhà bếp, phòng ở tập thể, khu vực để xe. Tầng lầu có diện tích 454m² bố trí hội trường.

Kết cấu: Móng, cột, dầm giằng, sàn, sê nô bằng BTCT, tường xây gạch ống, cầu phong ly tô bằng thép hình. Hoàn thiện: Mái lợp ngói, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic, tường sơn nước, hệ thống cửa bằng nhôm kính, thép kính.

- Nhà bảo vệ: Diện tích 10m², kết cấu: Móng, cột, dầm giằng, sê nô bằng BTCT, tường xây gạch ống, cầu phong ly tô bằng thép hình. Hoàn thiện: Mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic, tường sơn nước, hệ thống cửa bằng nhôm kính.

- Cổng hàng rào: Tổng chiều dài 153,9m, cao 2,1m. Trong đó: 22m cổng rào xây kết hợp với song thép và 131,93m hàng rào xây. Kết cấu: Móng, cột, dầm giằng, bằng BTCT, tường xây gạch ống. Hoàn thiện: Sơn nước phần tường xây.

- Sân bê tông, cây xanh: Diện tích 1.092m². Kết cấu sân từ trên xuống: Bê tông đá 1x2 M200 dày 7cm, bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm, khe co giãn; mương thoát nước xây bằng gạch thê. Trồng cây xanh trang trí và tạo bóng mát sân vườn.

- Hệ thống điện, hệ thống PCCC, chống sét, cấp thoát nước.

6.2. Phần thiết bị:

- Máy điều hòa các loại: 7 cái;

- Thiết bị PCCC: Máy bơm nước, bình bột khí CO₂ ...

7. Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài.

8. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất của các hạng mục công trình 1.615m².

9. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

10. Phương án xây dựng: Xây dựng mới.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không.

10. Tổng mức đầu tư: **11.556.365.405 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	8.455.409.281	đồng
- Chi phí thiết bị:	276.870.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	220.402.729	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	736.409.585	đồng
- Chi phí khác:	104.438.409	đồng
- Chi phí dự phòng:	1.762.835.401	đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014 - 2015.

16. Kế hoạch đấu thầu: Có bảng kế hoạch đấu thầu kèm theo.

Điều 2. Đảng ủy khối doanh nghiệp là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 01.02). 7R



Nguyễn Văn Lợi

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BÁO CÁO KTKT

Công trình: Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 05 / 02/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Xây lắp		Ngân sách tỉnh					
1	Xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước	8.732.279.281		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một túi hồ sơ	Năm 2014	Theo đơn giá điều chỉnh	270 ngày
II	Thiết bị, hàng hóa							
2	Bảo hiểm xây dựng	30.562.977		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
III	Tư vấn							
1	Quản lý dự án	220.402.729		Chỉ định thầu		Năm 2013-2014	Trọn gói	Theo thời gian thực hiện dự án
2	Lựa chọn nhà thầu xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	29.289.346		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	60 ngày
3	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	224.077.028		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công xây dựng
4	Kiểm tra và chứng nhận về chất lượng công trình xây dựng	78.301.724		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công xây dựng
5	Kiểm toán công trình	41.081.748		Chỉ định thầu		Năm 2014-2015	Trọn gói	45 ngày
III	Lĩnh vực khác							
1	Rà phá bom mìn, vật nổ	8.086.500		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	10 ngày